

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi, thời gian hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử
đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp
nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 83/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;

Xét Tờ trình số 0425/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi, thời gian hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra số 184/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi, thời gian hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi, thời gian hỗ trợ phục vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan phục vụ cho công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Mức chi, thời gian hỗ trợ phục vụ công tác tổ chức bầu cử

1. Chi tổ chức hội nghị: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Chi công tác tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác bầu cử thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước của tỉnh Cà Mau.

3. Chi bồi dưỡng các cuộc họp

a) Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, các Tiểu ban giúp việc của Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Chủ trì cuộc họp: Cấp tỉnh 500.000 đồng/người/buổi; cấp xã 450.000 đồng/người/buổi;

Thành viên tham dự: Cấp tỉnh 200.000 đồng/người/buổi; cấp xã 180.000 đồng/người/buổi;

Các đối tượng phục vụ: Cấp tỉnh 100.000 đồng/người/buổi; cấp xã 80.000 đồng/người/buổi.

b) Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử

Chủ trì cuộc họp: Cấp tỉnh 300.000 đồng/người/buổi; cấp xã 280.000 đồng/người/buổi;

Thành viên tham dự cuộc họp: Cấp tỉnh 200.000 đồng/người/buổi; cấp xã 180.000 đồng/người/buổi;

Các đối tượng phục vụ: Cấp tỉnh 100.000 đồng/người/buổi; cấp xã 80.000 đồng/người/buổi.

4. Chi công tác chỉ đạo kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, các Tiểu ban giúp việc của Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

a) Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:

Trưởng đoàn: Cấp tỉnh 300.000 đồng/người/buổi; cấp xã 270.000 đồng/người/buổi;

Thành viên chính thức của đoàn: Cấp tỉnh 200.000 đồng/người/buổi; cấp xã 180.000 đồng/người/buổi;

Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn: Phục vụ trực tiếp đoàn: Cấp tỉnh 150.000 đồng/người/buổi, cấp xã 130.000 đồng/người/buổi; phục vụ gián tiếp đoàn (lái xe): 80.000 đồng/người/buổi.

b) Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát (tính trên sản phẩm cuối cùng)

Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát: Cấp tỉnh 4.500.000 đồng/báo cáo; cấp xã 2.700.000 đồng/báo cáo;

Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia: Cấp tỉnh 6.300.000 đồng/báo cáo; cấp xã 3.800.000 đồng/báo cáo;

Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo: Cấp tỉnh 900.000 đồng/báo cáo; cấp xã 600.000 đồng/báo cáo.

5. Chi xây dựng văn bản

a) Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

b) Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh tại điểm a khoản này, bao gồm: Nghị quyết của Ủy ban bầu cử, kế hoạch, thông tri, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn công tác phục vụ bầu cử, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử liên quan đến công tác bầu cử do Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, các Tiểu ban giúp việc của Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã ban hành (mức chi tính trên sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý và hoàn chỉnh)

Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/văn bản;

Cấp xã: 1.500.000 đồng/văn bản;

Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia áp dụng mức chi như sau: Cấp tỉnh 200.000 đồng/người/lần, tổng mức chi tối đa không quá 600.000 đồng/người/văn bản; cấp xã 150.000 đồng/người/lần, tổng mức chi tối đa không quá 450.000 đồng/người/văn bản.

6. Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử

a) Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau

Trưởng, Phó Ban Chỉ đạo, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh là 3.300.000 đồng/người/tháng; cấp xã là 2.250.000 đồng/người/tháng;

Thành viên Ban chỉ đạo bầu cử, thành viên Ủy ban bầu cử, Trưởng, Phó các Tiểu ban giúp việc của Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh là 2.250.000 đồng/người/tháng; cấp xã là 1.500.000 đồng/người/tháng;

Thành viên ban bầu cử, thành viên các Tiểu ban giúp việc của Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh là 2.250.000 đồng/người/tháng; cấp xã là 1.500.000 đồng/người/tháng;

Thành viên Tổ chuyên viên giúp việc: Cấp tỉnh là 1.500.000 đồng/người/tháng; cấp xã là 900.000 đồng/người/tháng;

Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính theo thời gian thực tế phát sinh, tối đa không quá 05 tháng. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban, các tổ giúp việc bầu cử) mức bồi dưỡng 200.000 đồng/người/ngày; thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử);

Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa: 3.000.000 đồng/người/tháng trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): Chi bồi dưỡng 300.000 đồng/người/ngày, áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử, danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử

a) Thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử, thành viên Ủy ban bầu cử, Trưởng các Tiểu ban giúp việc của Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh là 500.000 đồng/người/tháng; cấp xã là 300.000 đồng/người/tháng;

b) Phó Trưởng các Tiểu ban, thành viên các Tiểu ban giúp việc của Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh là 400.000 đồng/người/tháng; cấp xã là 200.000 đồng/người/tháng;

c) Thành viên tổ chuyên viên giúp việc, thành viên Tổ giúp việc tại Thường trực Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh 200.000 đồng/người/tháng; cấp xã 100.000 đồng/người/tháng;

Thời gian hưởng chế độ hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phát sinh, tối đa không quá 05 tháng.

8. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử ở các cấp

a) Người được giao trực tiếp công dân là 150.000 đồng/người/buổi;

b) Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân là 100.000 đồng/người/buổi;

c) Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân là 50.000 đồng/người/buổi.

9. Chi trang trí, khánh tiết tại địa điểm bỏ phiếu: 700.000 đồng/phòng.

10. Chi đóng hòm phiếu: Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 500.000 đồng/hòm phiếu.

11. Chi khắc dấu: Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 400.000 đồng/dấu (mức chi chưa bao gồm phí, lệ phí).

12. Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử: Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 1.500.000 đồng/bảng.

13. Chi bồi dưỡng việc ghi chép lập danh sách, phát thẻ cử tri và kiểm phiếu: 1.000 đồng/cử tri.

14. Chi cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành quy định mức chi đảm bảo hoạt động cho Cổng Thông tin điện tử tỉnh và Trang Thông tin điện tử thành phần trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

15. Chi công tác tuyên truyền, in ấn: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.

16. Các khoản chi phát sinh theo thực tế chưa được quy định mức chi tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định hiện hành, thanh toán theo các chứng từ chi hợp pháp trên cơ sở dự toán đã được Ủy ban bầu cử tỉnh phê duyệt.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí phục vụ cho bầu cử được đảm bảo từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương và nguồn ngân sách địa phương tự cân đối.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi, thời gian hỗ trợ phục vụ cho bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Đối với khối lượng công việc của các cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai thực hiện trước khi Nghị quyết này có hiệu lực; các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ quy định tại Nghị quyết này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa X, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và QLXLVPHC);
- Bộ Nội vụ (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Công Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thiều